

Bản án số: **10** /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29 tháng 3 năm 2019
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Loan
2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Diệp Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 759/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ng, sinh năm 1989

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: Tổ 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ 6, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2018 và bản tự khai ngày 28 tháng 11 năm 2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đặng Thị Ng trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội ngày 05/02/2013. Sau kết hôn vợ chồng chung sống ở tổ 6, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống ngay từ thời gian đầu đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, không hợp nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ khoảng ngày 08/3/2015 chị Ng đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của chị Ng và anh S đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị Ng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Huy H (nam), sinh ngày 20/6/2014, hiện nay cháu H đang sống cùng anh S. Ly hôn chị Ng đồng ý để anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Ng xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị Ng xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S, nhưng anh S không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Qua xác minh tại tổ dân phố số 6, phường Y và ý kiến của đại diện gia đình anh S thể hiện: Anh S và chị Ng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S và chị Ng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của anh S, chị Ng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Ng đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị Ng ở từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay.

Do anh S không đến Tòa nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh S cũng như không hòa giải cho anh, chị đoàn tụ được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Ng giữ nguyên các yêu cầu nêu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án ngày hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng đối với anh S. Về con chung: Xác nhận chị Ng

và anh S có 01 con chung là Nguyễn Huy H (nam), sinh ngày 20/6/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng giao cho anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy H. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Về tài sản chung, công nợ: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục: Quá trình tòa án tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh S đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng anh S không đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh S đã được Tòa án tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tại phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 207 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh S.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Văn S. Anh S có nơi cư trú tại tổ dân phố 6, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1].**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đặng Thị Ng và anh Nguyễn Văn S xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 02 năm 2013 Hôn nhân của chị Ng, anh S là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị Ng và ý kiến của đại diện tổ dân phố số 6, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông cũng như ý kiến đại diện gia đình anh S đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống chị Ng, anh S luôn xảy ra mâu thuẫn và anh, chị đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án anh S đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh S không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh S, chị Ng đoàn tụ được. Việc anh S không đến Tòa án để tham gia hòa giải thể hiện anh không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy việc chị Ng xin ly hôn anh S là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. **Về con chung:** Chị Ng xác nhận chị và S có 01 con chung là Nguyễn Huy H (nam), sinh ngày 20/6/2014 . Ly hôn chị Ng đồng ý để anh S là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Huy H và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị Ng Hội đồng xét xử thấy: Kể từ khi chị Ng và anh S sống ly thân nhau thì cháu H vẫn do anh S trực tiếp nuôi dưỡng nên việc chị Ng đồng ý để cho anh S nuôi con là do sự tự nguyện của chị Ng và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nên căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Huy H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[3]. **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Chị Ng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh S chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. **Về nợ:** Chị Ng xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh S chứng minh vợ chồng có công nợ chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5]. **Về án phí:** Chị Ng phải chịu 300.000đồng án Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Ng đối với anh Nguyễn Văn S.

Chị Đặng Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2.**Về con chung:** Xác nhận chị Đặng Thị Ng và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung là Nguyễn Huy H (nam), sinh ngày 20/6/2014. Giao cháu Nguyễn Huy H cho

anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị Ng xác nhận không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh S chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ: Chị Ng xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh S chứng minh vợ chồng có công nợ chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ng đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002008 ngày 29/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông. Chị Ng còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Ng, vắng mặt anh S. Chị Ng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cao Biền

Đỗ Thị Loan

Nguyễn Thanh Thủy

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- UBND xã Dương Nội, huyện Hòa Đức, TP Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Tú Anh Nguyễn Quỳnh Thơ

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- THA quận Đống Đa.
- Đ- ơng sự.
- UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- L- u

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Tú Anh Nguyễn Quỳnh Thơ

Đặng Thị Hường

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- THA quận Đống Đa.
- Đ-ơng sự.
- UBND phường Máy Chai, quận Ngô Quyền,
thành phố Hải Phòng.
- L- u

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- THA quận Đống Đa.
- Đ-ơng sự.
- UBND xã Phú Cường, huyện Sóc S, Hà Nội

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội đồng xét xử đã ký

SÀO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2012

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUỐC GIA

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- Đ-ơng sự.
- UBND phường hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội
- L-ư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quỳnh Thơ

Dương Tú Anh

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- Đ- ơng sự.
- UBND phường hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội
- L- u.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quỳnh Thor

Dương Tú Anh

Đặng Thị Hương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân

dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi:

“Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 52 /2015/HNGĐ

Ngày 01/12/2015

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Đặng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ninh

2. Ông Phạm Xuân Đệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 01 tháng 12 năm 2015 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 560 ngày 03/8/2015 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2015/QĐST ngày 16/11/2015 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tố Uyên, sinh năm 1986

Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P36-B2 Tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 83 tổ 10 ngõ 649 Lĩnh Nam, quận H Mai, Hà Nội

Bị đơn: Anh Trương Quang Hiệp, sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P36-B2 Tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Hiện đang cai nghiện tại: Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy số II Hà Nội.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2015 và bản tự khai tại Tòa ngày 24/8/2015 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố Uyên trình bày: Chị và anh Trương Quang Hiệp chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lĩnh Nam, quận H Mai, Hà Nội vào ngày 14/8/2009. Sau kết hôn anh, chị chung sống tại P36-B2 Tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó do anh Hiệp nghiện ma túy, chị đã khuyên anh đi cai nghiện nhiều lần, nhưng anh Hiệp không thay

đổi mà còn gây tranh cãi vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Năm 2013 anh Hiệp bị bắt đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở số II S Tây, Ba Vì, Hà Nội. Quá trình anh Hiệp đi cai nghiện chị vẫn thường xuyên thăm hỏi động viên anh Hiệp. Anh Hiệp khuyên chị giải thoát bản thân và khuyên chị nên ly hôn anh để chú tâm vào việc chăm sóc con. Qua thời gian dài chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hiệp.

Về con chung: Chị Uyên xác nhận chị và anh Hiệp có 02 con chung là: Trương Tuyết Nhi (nữ) sinh ngày 23/5/2008 và Trương Diệp Hân (nữ) sinh ngày 01/5/2011. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Hiệp cấp dưỡng nuôi con vì anh Hiệp hiện đang đi cai nghiện không có điều kiện và khả năng nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con. Chị Hiện là giáo viên mầm non. Thu nhập hàng tháng của chị là 4.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung(gồm động sản và bất động sản): Chị Uyên khai vợ chồng không có tài sản gì chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Uyên khai vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Ngoài những yêu cầu trên chị Uyên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2015 có xác nhận của Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội anh Trương Quang Hiệp trình bày: Anh và chị Uyên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lĩnh Nam, quận H Mai, Hà Nội vào năm 2009. Sau kết hôn anh chị sống tại phòng 36 – B2 Tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Trong quá trình chung sống phần lớn thời gian do anh mãi chơi nên đã không chăm lo được cho gia đình. Nay chị Uyên xác nhận tình cảm vợ chồng không còn mà xin ly hôn anh. Anh nhất trí với yêu cầu của chị Uyên.

Về con chung: Anh Hiệp xác nhận, anh và chị Uyên có 02 con chung như chị Uyên trình bày là đúng. Ly hôn chị Uyên xin được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: (động sản và bất động sản) anh Hiệp xác nhận vợ chồng không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh Hiệp xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Anh Hiệp có ý kiến do anh đang thực hiện sau cai nghiện tại Trung tâm nên không thể tham gia tố tụng giải quyết vụ án được. Anh đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh. Anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện thuận lợi giải quyết vụ án mau chóng để chị Uyên còn ổn định cuộc sống

Tại phiên Tòa hôm nay chị Uyên vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên. Ngoài ra chị Uyên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử:

XÉT THẤY

Về thủ tục: Anh Trương Quang Hiệp hiện đang thực hiện sau cai nghiện tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội. Anh Hiệp có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 182 và khoản 2 Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh Hiệp.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố Uyên và anh Trương Quang Hiệp xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Lĩnh Nam, quận H Mai, Hà Nội chứng nhận kết hôn ngày 14/8/2009. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của các đương sự đủ cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị Uyên, anh Hiệp là do anh Hiệp mãi chơi không chăm lo cho gia đình. Việc anh Hiệp nhất trí ly hôn chị Uyên vì tình cảm vợ chồng không còn là căn cứ để xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn vì lẽ trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Uyên đối với anh Hiệp là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Uyên và anh hiệp cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Trương Tuyết Nhi (nữ) sinh ngày 23/5/2008 và Trương Diệp Hân (nữ) sinh ngày 01/5/2011. Ly hôn chị Uyên xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Hiệp cấp dưỡng nuôi con. Phía anh Hiệp cũng nhất trí để chị Uyên trực tiếp nuôi con vì hiện anh đang thực hiện sau cai tại Trung tâm nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con và không có thu nhập để cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh Hiệp đang thực hiện sau cai nên không thể trực tiếp nuôi con chung của anh chị được. Vì vậy giao cháu Trương Tuyết Nhi và Trương Diệp Hân cho chị Uyên trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Do anh Hiệp đang thực hiện sau cai không có thu nhập, hơn nữa chị Uyên cũng không yêu cầu anh Hiệp cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hiệp.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Uyên, anh Hiệp xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ: Chị Uyên, anh HIệp xác nhận không vay nợ ai.

Về án phí: Chị Uyên phải chịu 200.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56; 81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 130; 131; khoản 1 Điều 202; Điều 243; Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào pháp lệnh án phí. Lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của UBTV Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tố Uyên đối với anh Trương Quang Hiệp. Chị Uyên được ly hôn anh Hiệp.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị Tố Uyên và anh Trương Quang Hiệp có 02 con chung là: Trương Tuyết Nhi (nữ) sinh ngày 23/5/2008 và Trương Diệp Hân (nữ) sinh ngày 01/5/2011. Giao cháu Trương Tuyết Nhi và Trương Diệp Hân cho chị Uyên trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Hiệp cho tới khi nào chị Uyên có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh Hiệp được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị Uyên, anh Hiệp khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ: Chị Uyên, anh Hiệp xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Chị Uyên phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Uyên đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003087 ngày 31/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Uyên, vắng mặt anh Hiệp. Chị Uyên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Hiệp được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- Đ-ơng sự.
- L-ư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Đệ

Nguyễn Thị Ninh

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- Đ-ơng sự.
- L-ư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hồng

Chủ tọa đã ký: Đặng Thị H- ờng

TRÍCH SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2012
TOÀ ƠN NHÂN DÂN QUỐN ƠNG Ạ
TH ƠM PH ƠN

Đặng Thị H ờng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- Đ- ơng sự.
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị H ờng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2011/HNGĐST

Ngày: 01/ 12 /2011.

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tín.

2. Bà Phạm Thị Thi.

*Th- ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - cán bộ
Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.*

Ngày 01 tháng 12 năm 2011 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 745/2011/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm
2011 về tranh chấp: Ly hôn, theo quyết định đ-a vụ án ra xét xử số
115/2011/QĐXX -ST ngày 22 tháng 11 năm 2011 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên Đ- ơng: Chị Lê Thị Thu Hà - sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 11 ngách 337/52 Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Bán hàng ăn.

Bị đ- ơng: Anh Tạ Thanh Bình - sinh năm: 1977

*Địa chỉ: Số 208- A6 ngách 29/29 phố Vũ Thanh, ph- ường ô Chợ Dừa,
quận Đống Đa, Hà Nội.*

Hiện đang thi hành án phạt tù tại: Tổ 17 phân trại quản lý phạm nhân, trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội.

NHÂN THẤY

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2011 và các văn bản tố tụng, chị Hà trình bày:

Chị và anh Tạ Thanh Bình kết hôn tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân ph-òng Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà nội ngày 26/10/2001. Sau kết hôn anh, chị chung sống tại Số 208- A6 ngách 29/29 phố Vũ Thanh, ph-òng Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Bình sử dụng ma túy không có trách nhiệm với gia đình, chị và gia đình đã tạo điều kiện cho anh cai nghiện ma túy nh- ng anh Bình vẫn không cai nghiện đ- ợc mà ngày càng sử dụng nhiều hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên năm 2009 chị đã đ- a con về nhà mẹ để chị sống tại Số 11 ngách 337/52 Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Anh Bình vẫn sống tại Số 208- A6 ngách 29/29 phố Vũ Thanh, ph-òng Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Năm 2010 anh Bình tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử phạt 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ khi anh Bình bị bắt và đi thi hành án cho tới nay chị không đến thăm hỏi anh Bình.

Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2009 cho tới nay không có sự quan tâm đến nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn anh Bình.

Con chung: Chị Hà khai vợ chồng có một con chung là : Tạ Bình Vân Uyên (nữ) sinh ngày 26-11- 2001. Ly hôn chị Hà xin đ- ợc trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Bình cấp d- ỡng nuôi con vì anh Bình đang thi hành án tại trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội, hiện nay chị bán hàng ăn thu nhập bình quân một tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Hà khai vợ chồng không có tài sản chung. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị Hà khai vợ chồng không vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Ngày 22/11/2011 tại trại tạm giam công an thành phố Hà Nội anh Tạ Thanh Bình khai anh và chị Hà chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 26/10/2001, sau kết hôn vợ chồng chung sống tại Số 208- A6 ngách 29/29 phố Vũ Thanh, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị Hà đã đi- a con về nhà mẹ để chị sống từ năm 2009 cho tới nay. Trong thời gian anh, chị sống ly thân do anh phạm tội nên bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh đang thi hành án phạt tù tại Đội 17 phân trại quản lý phạm nhân trại tạm giam công an thành phố Hà Nội. Nay chị Hà xin ly hôn anh, anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn chị Hà.

Con chung: Anh Bình xác nhận vợ chồng có một con chung nh- chị Hà trình bày là đúng. Do hiện anh đang thi hành án nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên anh nhất trí để chị Hà trực tiếp nuôi con, anh xin tạm hoãn việc cấp d- ồng nuôi con vì anh không có thu nhập.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Bình khai vợ chồng không có tài sản chung. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh Bình khai vợ chồng không vay nợ ai.

Anh Bình có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt vì lý do anh đang phải thụ án.

Tại phiên tòa chị Hà vẫn giữ quan điểm nêu trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã đi- ọc thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử:

XÉT THUY

Về thủ tục: Anh Tạ Thanh Bình đang thụ án tại trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 điều 182; khoản 1 điều 202 bộ luật tố tụng dân sự vụ án đi- ọc xét xử vắng mặt anh Bình.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà, anh Bình kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của các bên đi- ồng sự đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh Bình nghiện ma túy. Việc anh Bình chấp nhận yêu cầu ly hôn và đề nghị tòa án giải quyết cho chị Hà đi- ọc ly hôn anh, là căn cứ để xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc và khả

năng đoàn tụ vợ chồng không còn vi lễ trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà đối với anh Bình là có căn cứ phù hợp với điều 89, điều 91 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tạ Bình Vân Zuyên (nữ) sinh ngày 26-11- 2001. Ly hôn chị Hà xin nuôi con không yêu cầu anh Bình cấp d- ỡng nuôi con. Phía anh Bình nhất trí để chị Hà trực tiếp nuôi con vì hiện anh đang thi hành án phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con và không có thu nhập để cấp d- ỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị Hà đang nuôi cháu Zuyên, thực tế chị đã một mình nuôi cháu từ năm 2009 đến nay. Vì vậy giao cháu Zuyên cho chị Hà trực tiếp nuôi d- ỡng là phù hợp với thực tế cuộc sống và phù hợp với điều điều 92 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn việc cấp d- ỡng nuôi con đối với anh Bình.

Về tài sản chung: Chị Hà, anh Bình không có, không yêu cầu toà án giải quyết, nên Toà không xét.

Về nợ: Chị Hà, anh Bình không vay nợ ai, không yêu cầu toà án giải quyết, nên toà không xét.

Về án phí: Chị Hà phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 89; 91, 92; 94 Luật hôn nhân gia đình.
- Điều 130; 131; k1 điều 202, điều 243; 245 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án số 10/2009/PL-UBTV2/H12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của UBTV Quốc hội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu Hà đối với anh Tạ Thanh Bình. Chị Hà đ- ợc ly hôn anh Tạ Thanh Bình.

2. Về con chung: Xác nhận cháu Tạ Bình Vân Zuyên (nữ) sinh ngày 26/11/2001 là con chung của chị Hà, anh Bình.

Giao cháu Zuyên cho chị Hà trực tiếp nuôi d- ỡng. Tạm hoãn việc cấp d- ỡng nuôi con đối với anh Bình cho đến khi nào chị Hà có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh Bình đ-ợc quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ: Anh, chị không vay nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa không xem xét.

5. Về án phí: Chị Hà phải chịu 200.000 đồng án phí lý hôn sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001750 ngày 04/ 11/ 01/2011 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Hà, vắng mặt anh Bình. Chị Hà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bình có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc tổng đạt án hợp lệ.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán □ Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị H- ồng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2008/HNGĐST

Ngày: 16/5/2008.

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông MAI TIẾN DŨNG

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Đệ.

2. Bà Ngô Thị Kim Vinh.

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Lệ Quyên - cán bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngày 16 tháng 5 năm 2008 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2008/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2008 về tranh chấp: Ly hôn, theo quyết định đa vụ án ra xét xử số 29/2008/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2008 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ph-ong Ng - Sinh năm: 1979.

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Hộ khẩu: tổ 8 ph-ờng Thịnh quang, Đống đa, Hà nội

Tạm trú: 497 Nguyễn kiệm, ph-ờng 9, Quận Phú nhuận, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Lê Anh Tuấn - Sinh năm 1981.

HKTT: tổ 8 ph-ờng Thịnh quang, Đống đa, Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 17, phân trại số 01, trại giam Thanh Lâm- Thanh Hoá.

NHÂN THẤY

Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng, chị Ng trình bày:

Chị và anh Lê Anh Tuấn tự nguyện kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Thịnh quang, Đống đa, Hà nội ngày 31/7/2002. Sau kết hôn vợ chồng sống tại 53 tổ 8, ngách 89, ngõ 438, phường Thịnh quang, Đống đa, Hà nội đến ngày 26/4/2004 chị đã đi ở nơi khác cho đến nay. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh Tuấn nghiện ma túy không có khả năng chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2006 anh Tuấn phạm tội cướp tài sản phải đi cải tạo .

Từ năm 2004 vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vốn đã bị rạn nứt đến nay không còn gì. Nay chị xin ly hôn anh Tuấn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Chị Ng khai vợ chồng có một con chung là cháu Lê Anh Ph-ong (nữ) sinh ngày 28/6/2002, chị xin được trực tiếp nuôi con chung , không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ng khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Ngày 22/4/2008 tại Đội 17 phân trại 01 trại giam Thanh Lâm- Thanh Hoá anh Tuấn khai về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung nh- chị Ng trình bày. Anh đồng ý ly hôn chị Ng do tình cảm vợ chồng không còn vì do anh nghiện ma túy.

Về con chung anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Anh Ph-ong (nữ) sinh ngày 28/6/2002, chị Ng xin nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh hoàn toàn đồng ý.

Tài sản chung anh Tuấn khai vợ chồng không có gì kể cả động sản và bất động sản, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Tuấn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt vì lý do anh đang phải thụ án.

Tại phiên tòa chị Ng vẫn giữ quan điểm ly hôn anh Tuấn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử:

XÉT THẤY

Về thủ tục: Anh Lê anh Tuấn đang thụ án tại trại giam có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 điều 182; khoản 1 điều 202 bộ luật tố tụng dân sự vụ án được xét xử vắng mặt anh Tuấn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng, anh Tuấn kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của các bên đ- ơng sự đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh Tuấn nghiện ma túy. Việc anh Tuấn chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng và xác định tình cảm vợ chồng không còn là căn cứ để xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ không còn vì lẽ trên xét yêu cầu ly hôn của chị Ng là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Anh Ph- ơng (nữ) sinh ngày 28/6/2002,

Chị Ng xin nuôi con sau ly hôn không yêu cầu anh Tuấn cấp d- ỡng. Phía anh Tuấn nhất trí. Xét điều kiện hiện nay, chị Ng đang nuôi cháu Ph- ơng, thực tế chị đã một mình nuôi cháu từ năm 2004 đến nay. HĐXX thấy rằng nên ghi nhận sự tự nguyện của anh chị giao cháu Ph- ơng cho chị Ng nuôi d- ỡng là hợp tình hợp lý. Tạm hoãn việc cấp d- ỡng nuôi con đối với anh Tuấn.

Về tài sản chung: Không có nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị Ng phải chịu 50.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 89, 92, 94 Luật hôn nhân gia đình.
- Điều 130; 131; k1 điều 202, điều 244; 245 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 1 điều 7 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997.

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ph- ơng Ng và anh Lê anh Tuấn.

2. Về con: Xác nhận cháu Lê Anh Ph- ơng (nữ) sinh ngày 28/6/2002 là con chung của chị Ng, anh Tuấn.

Giao cháu Ph- ơng cho chị Ng trực tiếp nuôi d- ỡng. Tạm hoãn việc cấp d- ỡng nuôi con đối với anh Tuấn.

Anh Tuấn đ- ọc quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Ng phải chịu 50.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 9422 ngày 29/ 01/2008 của cơ quan thi hành án quận Đống Đa.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Ng, vắng mặt anh Tuấn. Chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tuấn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- Đồng sự.
- Lu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Tiến Dũng

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông MAI TIẾN DŨNG

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Lê Văn Huệ.*
- 2. Ông Nguyễn Mạnh Nhàn.*

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân - cán bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngày 9 tháng 7 năm 2008 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2008/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2008 về tranh chấp: Ly hôn, theo quyết định đa vụ án ra xét xử số 60/2008/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2008 giữa các đ- ợng sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thu Hiền - Sinh năm: 1978.

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Địa chỉ: Số 111 ngõ 180 Nguyễn L- ợng Bằng - Đống Đa — Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng Quyền - Sinh năm 1976.

HKTT: Số 111 ngõ 180 Nguyễn L- ợng Bằng - Đống Đa — Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 9, trại giam Tân Lập — Phú Thọ.

NHÂN THẤY

Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng, chị Hiền trình bày:

Chị và anh **Phạm Hoàng Quyền** kết hôn tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội ngày 30/3/2001 thực tế vợ chồng chung sống từ năm 1996. Sau kết hôn vợ chồng sống tại Số 111 ngõ 180 Nguyễn Lương Bằng - Đống Đa — Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh Quyền nghiện ma túy không có khả năng chăm lo cho gia đình, mặc dù đã nhiều lần khuyên giải, nhưng anh Quyền không thay đổi một mình chị không thể nào gánh vác được kinh tế và sức ép do anh Quyền gây ra. Năm 2006 anh Quyền phạm tội cướp tài sản Tòa án Quận Đống Đa xử phạt tù giam. Hiện nay anh Quyền đang thi hành án phạt tù tại trại giam Tân Lập, Phú Thọ.

Nay chị xin ly hôn anh Quyền vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Con chung: Chị Hiền khai vợ chồng có hai con chung là:

- Phạm Hoàng Triệu Minh (nam) — sinh ngày 24-4-1998

- Phạm Hoàng Tâm Minh (nam) — sinh ngày 10-1-2000

Ly hôn chị Hiền xin được trực tiếp nuôi hai cháu, không yêu cầu anh Quyền cấp dưỡng nuôi con vì anh Quyền đang cải tạo tại trại giam, hiện nay chị đang làm nghề uốn tóc thu nhập bình quân một tháng khoảng 2000.000 đồng.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Hiền khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ.

+ Ngày 2/6/2008 tại phân trại 01, Đội 9, trại giam Tân Lập — Phú Thọ anh Quyền khai anh và chị Hiền chung sống tự nguyện từ năm 1996 có đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại Số 111 ngõ 180 Nguyễn Lương Bằng - Đống Đa — Hà Nội, vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì, nay vợ anh là chị Phạm Thu Hiền xin ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, con chung còn nhỏ.

Con chung: anh Quyền khai vợ chồng có hai con chung là:

- Phạm Hoàng Triệu Minh và Phạm Hoàng Tâm Minh, chị Hiền xin nuôi hai con anh không đồng ý. Hiện tại để ông bà nội nuôi đến khi anh trở về.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): anh Quyền khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ.

Anh Zuyên có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt vì lý do anh đang phải thụ án.

Tại phiên tòa chị Hiền vẫn giữ quan điểm ly hôn anh Zuyên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử:

XÉT THOY

Về thủ tục: Anh Phạm Hoàng Zuyên đang thụ án tại trại giam có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 điều 182; khoản 1 điều 202 bộ luật tố tụng dân sự vụ án đ- ọc xét xử vắng mặt anh Zuyên.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hiền, anh Zuyên kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của các bên đ- ồng sự và tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định giữa Chị Hiền, anh Zuyên đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, theo chị Hiền khai do anh Zuyên nghiện ma túy, mặt khác anh Zuyên nhiều lần phạm tội và hiện đang chấp hành hình phạt tù đã ảnh h- ưởng rất lớn đến tình cảm và cuộc sống của chị Hiền cũng nh- việc chăm sóc nuôi dạy các con, nay chị xin ly hôn anh Zuyên vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận định cuộc sống chung của chị Hiền và anh Zuyên không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ không còn vì lẽ trên xét yêu cầu ly hôn của chị Hiền là có căn cứ để chấp nhận. Việc anh Zuyên khai vợ chồng không có mâu thuẫn gì anh xin đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng vẫn còn hơn nữa các con còn quá nhỏ là không có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là:

- Phạm Hoàng Triệu Minh (nam) — sinh ngày 24-4-1998
- Phạm Hoàng Tâm Minh (nam) — sinh ngày 10-1- 2000

Ly hôn chị Hiền xin đ- ọc trực tiếp nuôi hai cháu, không yêu cầu anh Zuyên cấp đ- ồng nuôi con vì anh Zuyên đang cải tạo tại trại giam, hiện nay chị đang làm nghề uốn tóc thu nhập bình quân một tháng khoảng 2000.000 đồng. Anh Zuyên không đồng ý chị Hiền nuôi hai con anh, hiện tại để ông bà nội nuôi đến khi anh trở về.

Hội đồng xét xử nhận định hiện nay chị Hiền đang nuôi hai con và có thu nhập ổn định, về nguyên tắc con chỉ giao cho bố hoặc mẹ nuôi đ- ồng khi vợ chồng ly hôn. trách nhiệm nuôi con là của cha mẹ.

Việc anh Zuyên đề nghị để bố mẹ anh nuôi hai cháu là không có cơ sở để chấp nhận, gia đình anh Zuyên đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật để chị Hiền nuôi cả hai cháu, gia đình sẽ có trách nhiệm tạo điều kiện để chị Hiền nuôi con. Ngày 19-6-2008 cháu Phạm Hoàng Triệu Minh có nguyện vọng xin ở với mẹ. Theo quy định tại điều 92 luật Hôn nhân gia đình nếu không thoả thuận ở về nơi trực tiếp nuôi con thì Tòa quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con vì lẽ đó HĐXX thấy rằng giao hai cháu cho chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và thực tế

Về tài sản chung: Không có nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị Hiền phải chịu 50.000 đồng án phí lý hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân gia đình.
- Điều 130; 131; khoản 1 điều 202, điều 244; 245 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 1 điều 7 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997.

Xét:

1. Công nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Phạm Thu Hiền và anh Phạm Hoàng Zuyên

2. Về con: Xác nhận chị Hiền anh Zuyên có hai con chung:

- Phạm Hoàng Triệu Minh (nam) — sinh ngày 24-4-1998
- Phạm Hoàng Tâm Minh (nam) — sinh ngày 10-1-2000

Giao hai cháu Phạm Hoàng Triệu Minh và Phạm Hoàng Tâm Minh cho chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Zuyên.

Anh Zuyên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Hiền phải chịu 50.000 đồng án phí lý hôn sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 9573 ngày 4/ 4/2008 của cơ quan thi hành án quận Đống Đa.

án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Hiền, vắng mặt anh Quyền. Chị Hiền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc tổng đạt án hợp lệ.

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2008/HNGĐST

Ngày: 16/5/2008.

Vụ tranh chấp: Lý hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông MAO TIẾN DŨNG

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Đệ.

2. Bà Ngô Thị Kim Vinh.

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ lệ Quyền - cán bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngày 16 tháng 5 năm 2008 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2008/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2008 về tranh chấp: Lý hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2008/2ĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2008 giữa các đ- ồng sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ph-ong Ng - Sinh năm: 1979.

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Hộ khẩu: tổ 8 ph-òng Thịnh quang, Đống đa, Hà nội

Tạm trú: 497 Nguyễn kiệm, ph-òng 9, Quận Phú nhuận, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Lê Anh Tuấn - Sinh năm 1981.

HKT7: tổ 8 ph-òng Thịnh quang, Đống đa, Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 17, phân trại số 01, trại giam Thanh Lâm- Thanh Hoá.

NHÂN THẤY

Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng, chị Ng trình bày:

Chị và anh Lê Anh Tuấn tự nguyện kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân ph-òng Thịnh quang, Đống đa, Hà nội ngày 31/7/2002. Sau kết hôn vợ chồng sống tại 53 tổ 8, ngách 89, ngõ 438, ph-òng Thịnh quang, Đống đa, Hà nội đến ngày 26/4/2004 chị đã đi ở nơi khác cho đến nay. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh Tuấn nghiện ma túy không có khả năng chăm lo cho gia đình, vợ chồng th-òng xuyên cãi nhau. Năm 2006 anh Tuấn phạm tội c- ép tài sản phải đi cải tạo.

Từ năm 2004 vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vốn đã bị rạn nứt đến nay không còn gì. Nay chị xin ly hôn anh Tuấn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Chị Ng khai vợ chồng có một con chung là cháu Lê Anh Ph-ong (nữ) sinh ngày 28/6/2002, chị xin đ- ọc trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Tuấn cấp đ- ồng nuôi con.

Chị Ng khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Ngày 22/4/2008 tại Đội 17 phân trại 01 trại giam Thanh Lâm- Thanh Hoá anh Tuấn khai về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung nh- chị Ng trình bày. Anh đồng ý ly hôn chị Ng do tình cảm vợ chồng không còn vì do anh nghiện ma túy.

Về con chung anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Anh Ph-ong (nữ) sinh ngày 28/6/2002, chị Ng xin nuôi con và không yêu cầu anh cấp đ- ồng nuôi con anh hoàn toàn đồng ý.

Tài sản chung anh Tuấn khai vợ chồng không có gì kể cả động sản và bất động sản, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Tuấn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt vì lý do anh đang phải thụ án.

Tại phiên tòa chị Ng vẫn giữ quan điểm ly hôn anh Tuấn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử:

XÉT XỬ

Về thủ tục: Anh Lê Anh Tuấn đang thụ án tại trại giam có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 điều 182; khoản 1 điều 202 bộ luật tố tụng dân sự vụ án đ- ọc xét xử vắng mặt anh Tuấn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng, anh Tuấn kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của các bên đ- ồng sự đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh Tuấn nghiện ma túy. Việc anh Tuấn chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng và xác định tình cảm vợ chồng không còn là căn cứ để xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ không còn vì lẽ trên xét yêu cầu ly hôn của chị Ng là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Anh Ph- - ơng (nữ) sinh ngày 28/6/2002,

Chị Ng xin nuôi con sau ly hôn không yêu cầu anh Tuấn cấp d- - ồng. Phía anh Tuấn nhất trí. Xét điều kiện hiện nay, chị Ng đang nuôi cháu Ph- ơng, thực tế chị đã một mình nuôi cháu từ năm 2004 đến nay. HĐXX thấy rằng nên ghi nhận sự tự nguyện của anh chị giao cháu Ph- ơng cho chị Ng nuôi d- ồng là hợp tình hợp lý. Tam hoãn việc cấp d- ồng nuôi con đối với anh Tuấn.

Về tài sản chung: Không có nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị Ng phải chịu 50.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 89, 92, 94 Luật hôn nhân gia đình.
- Điều 130; 131; khoản 1 điều 202, điều 244; 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 7 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997.

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ph-ong Ng và anh Lê anh Tuấn.

2. Về con: Xác nhận cháu Lê Anh Ph-ong (nữ) sinh ngày 28/6/2002 là con chung của chị Ng, anh Tuấn.

Giao cháu Ph-ong cho chị Ng trực tiếp nuôi d-ỡng. Tam hoãn việc cấp d-ỡng nuôi con đối với anh Tuấn.

Anh Tuấn đ-ợc quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Ng phải chịu 50.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm iêng án phí số 9422 ngày 29/01/2008 của cơ quan thi hành án quận Đống Đa.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Ng, vắng mặt anh Tuấn. Chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tuấn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc tổng đạt án hợp Lệ.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Tiến Dũng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59/2008 /HNGĐ-ST.

Ngày: 10/11/2008

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Chí Tâm.

2. Bà Ngô Thị Kim Vinh.

*Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân - cán
bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2008 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống
Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2008/TLST- HNGĐ ngày 3 tháng

10 năm 2008 về tranh chấp: **Ly hôn**, theo quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 102/2008/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2008 giữa các đ-ơng sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Bùi Thị Châu*

- Sinh năm: 1978.

HKTT: 2a, Nam thanh, Nam đàn, Nghệ an.

Địa chỉ: 16 ngõ 592 ngách 29 Tr-ờng chinh , Kh-ơng th-ợng, Đống đa, Hà nội.

Có mặt.

2. Bị đơn: *Anh Cao Quang Tỉnh*

- Sinh năm: 1969.

HKTT: Đại tự, Yên lạc, Vĩnh phúc.

Địa chỉ: 16 ngõ 592 ngách 29 Tr-ờng chinh , Kh-ơng th-ợng, Đống đa, Hà nội.

Vắng mặt.

Nhân thấy

*Trong đơn xin ly hôn ngày 4/9/2008 và các ý kiến tiếp theo nguyên đơn chị **Bùi Thị Châu** trình bày:*

*Chị và anh **Cao Quang Tỉnh** kết hôn do tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đại tự, Yên lạc, Vĩnh phúc*

Sau ngày kết hôn, anh chị chung sống tại nhiều nơi từ tháng 3 năm 2008 đến nay thuê nhà sống tại 16 ngách 592/29 Tr-ờng chinh , Kh-ơng th-ợng, Đống đa, Hà nội và có đăng ký tạm trú.

*Vợ chồng chung sống đ-ợc thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Tỉnh nghi ngờ chị quan hệ ngoại tình và đánh đập chị. Từ tháng 8/2008 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi ng-ời một nơi, kinh tế hoàn toàn riêng biệt. Nay chị **Châu** xác định tình cảm vợ chồng không còn xin đ-ợc ly hôn anh **Tỉnh**.*

*Con chung: Chị **Châu** xác nhận vợ chồng ch- a có con chung
Hiện chị đang mang thai 8 tháng.*

*Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị **Châu** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.*

*Nợ: Chị **Châu** xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.*

*Tại bản tự khai ngày 6/10/2008 và các ý kiến trình bày tiếp theo anh **Cao Quang Tinh** trình bày: Anh và chị **Bùi Thị Châu** kết hôn tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đại tự, Yên Lạc, Vĩnh phúc

Vợ chồng chung sống hoà thuận đ- ọc thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. vợ chồng cũng đã rất cố gắng để khác phục mâu thuẫn nh- ng không có kết quả.. Do mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 8/2008 đến nay vợ chồng đã sống ly thân .Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hiện nay chị Châu đang mang thai anh đề nghị Toà án bác yêu cầu xin ly hôn của chị Châu cho đến khi chị sinh con khi đó sẽ anh nhất trí ly hôn với chị châu

Con chung: Anh Tinh xác nhận vợ chồng ch- a có con chung
Hiện nay chị Châu đang mang thai 8 tháng

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Tinh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

Nợ: Anh Tinh xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.

Tại phiên toà hôm nay:

- Chị Châu vẫn giữ yêu cầu của mình
- Anh Tinh vắng mặt lần thứ hai không có lý do

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà ,Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng anh Cao Quang Tinh đã nhận đ- ọc quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập tham gia phiên toà lần 2 ngày 10/11/2008 vào hồi 8h30' nh- ng anh Tinh vắng mặt và không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 200; khoản 3 điều 202 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Tinh theo thủ tục chung.

Chị Bùi Thị Châu và anh Cao Quang Tĩnh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tự, Yên Lạc, Vĩnh phúc ngày 01/6/2007 là hôn nhân hợp pháp. Tại giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển 1 ngày 1/6/2007 của UBND xã Đại Tự- Yên Lạc- Vĩnh Phúc ghi tên chị Châu là: Bùi Thị Minh Châu số CMND: 182277413. Tại giấy chứng minh nhân dân trên và giấy khai sinh của chị Châu về phần họ tên ghi: Bùi Thị Châu. Hội đồng xét xử xác định tên của chị Châu là Bùi Thị Châu.

Sau ngày kết hôn, anh chị chung sống tại nhiều nơi từ tháng 3 năm 2008 đến nay thuê nhà sống tại 16 ngách 592/29 Tr- ờng chinh , Kh- ơng th- ơng, Đống Đa, Hà nội và có đăng ký tạm trú.. Vợ chồng chung sống đ- ợc thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Tĩnh nghi ngờ chị Châu quan hệ ngoại tình. Từ tháng 8/2008 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi ng- ời một nơi, kinh tế hoàn toàn riêng biệt.

Chị Châu xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Tĩnh. Anh Tĩnh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hiện nay chị Châu đang mang thai anh đề nghị Tòa án bác yêu cầu xin ly hôn của chị Châu cho đến khi chị sinh con khi đó sẽ anh nhất trí ly hôn với chị Châu.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh Tĩnh và chị Châu không hạnh phúc ,anh Tĩnh xin đoàn tụ nh- ng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, hiện chị Châu đang mang thai theo lẽ th- ờng đây là thời gian chị rất cần sự chăm sóc gần gũi chia sẻ của anh Tĩnh dành cho chị nh- ng chị Châu lại c- ơng quyết xin ly hôn anh Tĩnh nh- vậy chứng minh rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, khả năng đoàn tụ không còn . Căn cứ điều 89, 91 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu đối với anh Tĩnh.

Con chung: Anh Tĩnh và chị Châu xác định ch- a có con chung, hiện chị Châu đang có thai tháng thứ 8, sau khi sinh anh chị có tranh chấp về con sẽ đ- ợc giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu các đ- ợc sự có yêu cầu.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Châu và anh Tỉnh cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên Tòa không xét.

Nợ: chị Châu và anh Tỉnh cùng xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.

án phí: chị Châu phải nộp 50.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 1 điều 89; điều 91; Luật hôn nhân gia đình.

- Khoản 4 điều 131; khoản 2 điều 200; khoản 3 điều 202; điều 243; khoản 1 điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 7 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 về chế độ lệ phí án phí tại Tòa án.

Xử:

*1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Bùi Thị Châu** đối với anh **Cao Quang Tỉnh** (chị Châu được ly hôn anh Tỉnh).*

2. Con chung: Anh Tỉnh và chị Châu xác định ch- a có con chung, hiện chị Châu đang có thai tháng thứ 8, sau khi sinh anh chị có tranh chấp về con sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản):

Chị Châu và anh Tỉnh cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Nợ: chị Châu và anh Tỉnh cùng xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.

4. án phí:

Chị Châu phải nộp 50.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nh- ng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 50.000 đồng theo biên lai số 499 ngày 19/9/2008 của cơ quan thi hành án dân sự quận Đống Đa. chị Châu đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị Châu vắng mặt anh Cao Quang Tình. Chị Châu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tình có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đi- ọc tổng đạt bản án .

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/2008 /HNGĐ-ST.

Ngày: 10/11/2008

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Chí Tâm.

2. Bà Ngô Thị Kim Vinh.

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân - cán bộ
Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội không
tham gia phiên toà.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2008 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2008/TLST- HNGĐ ngày 3 tháng 10
năm 2008 về tranh chấp: Ly hôn, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số
102/2008/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2008 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Châu - Sinh năm: 1978.

HKTT: 2a, Nam thanh, Nam đàn, Nghệ an.

Địa chỉ: 16 ngõ 592 ngách 29 Tr- ờng chinh , Kh- ơng th- ợng, Đống đa, Hà
nội.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Quang Tĩnh - Sinh năm: 1969.

HKTT: Đại tự, Yên lạc, Vĩnh phúc.

Địa chỉ: 16 ngõ 592 ngách 29 Tr- ờng chinh , Kh- ơng th- ợng, Đống đa, Hà
nội.

Vắng mặt.

Nhân thấy

Trong đơn xin ly hôn ngày 4/9/2008 và các ý kiến tiếp theo nguyên đơn chị
Bùi Thị Châu trình bày:

Chị và anh Cao Quang Tĩnh kết hôn do tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết
hôn ngày 01/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đại tự, Yên lạc, Vĩnh phúc.

Sau ngày kết hôn, anh chị chung sống tại nhiều nơi từ tháng 3 năm 2008 đến
nay thuê nhà sống tại 16 ngách 592/29 Tr- ờng chinh , Kh- ơng th- ợng, Đống đa, Hà
nội và có đăng ký tạm trú.

Vợ chồng chung sống đ- ợc thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, và kéo dài
cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng
quan điểm sống. Anh Tĩnh nghi ngờ chị quan hệ ngoại tình và đánh đập chị. Từ
tháng 8/2008 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi ng- ời một nơi, kinh tế hoàn
toàn riêng biệt. Nay chị Châu xác định tình cảm vợ chồng không còn xin đ- ợc ly
hôn anh Tĩnh.

Con chung: Chị Châu xác nhận vợ chồng ch- a có con chung
Hiện chị đang mang thai 8 tháng.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Châu xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Nợ: Chị Châu xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.

*Tại bản tự khai ngày 6/10/2008 và các ý kiến trình bày tiếp theo anh Cao Quang Tỉnh trình bày: Anh và chị Bùi Thị Châu kết hôn tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 01/6/ 2007 tại Uỷ ban nhân dân xã Đại tự, Yên lạc, Vĩnh phúc

Vợ chồng chung sống hoà thuận đ- ợc thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống.vợ chồng cũng đã rất cố gắng để khác phục mâu thuẫn nh- ng không có kết quả.. Do mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 8/2008 đến nay vợ chồng đã sống ly thân .Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn,hiện nay chị Châu đang mang thai anh đề nghị Toà án bác yêu cầu xin ly hôn của chị Châu cho đến khi chị sinh con khi đó sẽ anh nhất trí ly hôn với chị châu

Con chung: Anh Tỉnh xác nhận vợ chồng chưa có con chung

Hiện nay chị Châu đang mang thai 8 tháng

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Tỉnh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

Nợ: Anh Tỉnh xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.

Tại phiên toà hôm nay:

- Chị Châu vẫn giữ yêu cầu của mình
- Anh Tỉnh vắng mặt lần thứ hai không có lý do

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng anh Cao Quang Tỉnh đã nhận đ- ợc quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập tham gia phiên toà lần 2 ngày 10/11/2008 vào hồi 8h30' nh- ng anh Tỉnh vắng mặt và không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 200; khoản 3 điều 202 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Tỉnh theo thủ tục chung.

Chị Bùi Thị Châu và anh Cao Quang Tỉnh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đại tự, Yên lạc, Vĩnh phúc ngày 01/6/ 2007 là hôn nhân hợp pháp.Tại giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển 1 ngày

1/6/2007 của UBND xã Đại Tự- Yên Lạc- Vĩnh Phúc ghi tên chị Châu là: Bùi Thị Minh Châu số CMND: 182277413. Tại giấy chứng minh nhân dân trên và giấy khai sinh của chị Châu về phần họ tên ghi: Bùi Thị Châu. Hội đồng xét xử xác định tên của chị Châu là Bùi Thị Châu.

Sau ngày kết hôn, anh chị chung sống tại nhiều nơi từ tháng 3 năm 2008 đến nay thuê nhà sống tại 16 ngách 592/29 Tr-ờng chinh , Kh-ơng th-ợng, Đống đa, Hà nội và có đăng ký tạm trú. Vợ chồng chung sống đ-ợc thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn,và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Tĩnh nghi ngờ chị Châu quan hệ ngoại tình.Từ tháng 8/2008 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi ng-ời một nơi, kinh tế hoàn toàn riêng biệt.

Chị Châu xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Tĩnh. Anh Tĩnh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn,hiện nay chị Châu đang mang thai anh đề nghị Toà án bác yêu cầu xin ly hôn của chị Châu cho đến khi chị sinh con khi đó sẽ anh nhất trí ly hôn với chị Châu

Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh Tĩnh và chị Châu không hạnh phúc ,anh Tĩnh xin đoàn tụ nh-ng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.hiện chị Châu đang mang thai theo lẽ th-ờng đây là thời gian chị rất cần sự chăm sóc gần gũi chia sẻ của anh Tĩnh dành cho chị nh-ng chị Châu lại c-ơng quyết xin ly hôn anh Tĩnh nh- vậy chứng minh rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, khả năng đoàn tụ không còn . Căn cứ điều 89, 91 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu đối với anh Tĩnh.

Con chung: Anh Tĩnh và chị Châu xác định ch-a có con chung, hiện chị Châu đang có thai tháng thứ 8, nếu sau khi sinh con anh chị có tranh chấp về con sẽ đ-ợc giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu các đ-ơng sự có yêu cầu.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Châu và anh Tĩnh cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung,nên Toà không xét.

Nợ: chị Châu và anh Tĩnh cùng xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.

☐n phí: chị Châu phải nộp50.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đ-ơng sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 1điều 89; điều 91; Luật hôn nhân gia đình.

- Khoản 4 điều 131; khoản 2 điều 200; khoản 3 điều 202; điều 243; khoản 1 điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 7 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 về chế độ lệ phí án phí tại Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Châu đối với anh Cao Quang Tỉnh (chị Châu đ- ợc ly hôn anh Tỉnh)

2. Con chung: Anh Tỉnh và chị Châu xác định ch- a có con chung, hiện chị Châu đang có thai tháng thứ 8, sau khi sinh con anh chị có tranh chấp về con sẽ đ- ợc giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu các đ- ơng sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản):

Chị Châu và anh Tỉnh cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Nợ: chị Châu và anh Tỉnh cùng xác định vợ chồng không có khoản nợ nào.

4. án phí:

Chị Châu phải nộp 50.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 50.000 đồng theo biên lai số 499 ngày 19/9/2008 của cơ quan thi hành án dân sự quận Đống Đa. chị Châu đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị Châu, vắng mặt anh Cao Quang Tỉnh. Chị Châu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tỉnh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc tổng đạt bản án.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Đống Đa.
- Đ- ơng sự.
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Tiến Dũng